

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-PT
Ngày 16-10-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Trúc

Ông Nguyễn Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2020/TLPT-HNGĐ ngày 28/8/2020 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/HNGĐ-ST ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 78/2020/QĐPT-HNGĐ, ngày 28/8/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Kha Ngọc Kim C, sinh năm 1983; trú tại: 280 A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1975; trú tại: 39 A, khu phố B, phường C, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Kha Tấn Q, sinh năm 1950;

2. Bà Lê Thị Tuyết L, sinh năm 1952;

Cùng trú tại: 280 A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Kha Ngọc Kim C.
- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm,

- Tại đơn khởi kiện ngày 26/7/2018 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Kha Ngọc Kim C trình bày:

Bà C và ông Nguyễn Thành T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn ngày 07/10/2013 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống, bà C và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Phương L, sinh ngày 12/8/2014.

Từ ngày kết hôn cho đến nay, vợ chồng sống không hạnh phúc do ông T luôn buộc bà C phải từ bỏ nghề y để về quê sinh sống, trong khi đây là công việc mà bà C yêu thích như mạng sống của mình. Từ sự bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, tranh cãi, bất hòa. Ngoài ra, ông T còn có hành vi bạo hành, thường xuyên liên lạc với đồng nghiệp của bà C để nói không đúng sự thật về bà C với nội dung dung tục và còn xúc phạm đến cha, mẹ của bà C. Mâu thuẫn giữa bà C và ông T đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương nhau, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống bà C và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Phương L, sinh ngày 12/8/2014. Bà C yêu cầu được quyền nuôi con chung vì: Hiện tại bà C đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L, bà C luôn tạo mọi điều kiện tốt nhất để ông T đến thăm cháu L và cho phép ông T thể hiện trọn bổn phận làm cha, nhưng ông T đã nhiều lần có hành động thô lỗ, đe dọa bạo hành bà C trước mặt con nên cháu L bị ảnh hưởng tâm lý trầm trọng, không dám đến gần ông T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong đơn khởi kiện ngày 26/7/2018, bà C yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 6.000.000 đồng/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi, tuy nhiên quá trình tố tụng bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà C và ông T có căn hộ số 11.03A chung cư A theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số BK691258 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/12/2012 cho ông Nguyễn Thành T và bà Kha Ngọc Kim C. Căn hộ tọa lạc tại số 126 A (nay là 126 A), Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung (trong đơn khởi kiện ngày 26/7/2018, bà C yêu cầu chia đôi tài sản chung, sau đó bà C rút yêu cầu chia tài sản chung, Bản án sơ thẩm số 72/2018/HNGĐ-ST ngày 24/12/2018 của Tòa án nhân dân thị xã C đã tuyên đình chỉ giải quyết đối với tranh chấp tài sản chung giữa bà C với ông T).

Về nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Thành T trình bày như sau: Thống nhất trình bày của bà C về thời điểm chung sống, hình thức kết hôn, con chung.

Về mâu thuẫn, theo ông T thì trong thời kỳ hôn nhân gần 05 năm, bà C chưa làm tròn trách nhiệm của một người vợ, bà C không hề quan tâm, chăm sóc cho ông T, chưa giặt đồ hay nấu cho ông T bất kỳ một bữa ăn nào, bà C vừa đi làm, vừa đi học chuyên khoa 1, văn bằng được đến 10 giờ đêm, có khi trực đêm, có khi đi công tác ở Campuchia, ông T vẫn tôn trọng công việc của vợ, không có ý kiến hay phản ánh đến công việc và quá trình làm việc của bà C. Việc bà C cho rằng ông T có hành vi bạo hành gia đình, nói xấu với đồng nghiệp những nội dung dung tục về quan hệ vợ chồng thì ông T yêu cầu bà C chứng minh việc này. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay. Ông T sống và làm việc tại tỉnh Bình Dương, còn bà C sinh sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T không đồng ý ly hôn vì ông vẫn còn tình cảm với bà C, quá trình chung sống vợ chồng có những mâu thuẫn nhỏ xuất phát từ quan điểm lối sống, nhưng không nghiêm trọng, nên vợ chồng có thể tự hàn gắn được.

Trường hợp bà C cương quyết ly hôn và Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C thì ông T yêu cầu được quyền nuôi con chung không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con, vì: Công việc của ông T là kinh doanh nên chủ động được giờ giấc chăm sóc cho con, có điều kiện kinh tế để chăm sóc con hơn bà C, còn bà C làm nghề bác sĩ, công việc phải thường xuyên trực ca đêm ở bệnh viện, nên không thể đảm bảo giờ giấc trong việc chăm con, đưa rước con đi học; trong thời gian ly thân, ông T vẫn thường xuyên đến địa chỉ 280 A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh để thăm con nhưng bị bà C, cha mẹ của bà C là ông Kha Tấn Q, bà Lê Thị Tuyết L có hành vi cản trở, không cho ông thăm con; cháu L hay bệnh từ khi mới sinh ra đến nay, nên một mình bà C không thể nào nuôi con tốt hơn khi có cả ông T, bà C cùng trực tiếp nuôi dưỡng và cháu L gọi ông T bằng “chú”, thử hỏi bà C có nuôi dạy con tốt không trong khi ông T vẫn gửi cho bà C 100.000.000 triệu đồng để nuôi con.

Về tài sản chung: Trong đơn phản tố ngày 19/9/2019, ông T yêu cầu phân chia tài sản chung giữa bà C và ông T gồm: Căn hộ số 11.03A chung cư A, tọa lạc tại số 126 A (nay là 126 A), Phường B Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 28/02/2020, ông T nộp đơn rút lại yêu cầu phản tố nêu trên, không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung.

Về nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kha Tấn Q và bà Lê Thị Tuyết L trình bày:

Bà C là con ruột của ông Q, bà L. Ông T cho rằng ông Q, bà L là người tác động, tạo mâu thuẫn, gây chia rẽ vợ chồng bà C, ông T dẫn đến ly hôn là không có căn cứ. Ngoài ra, ông T còn cho rằng ông Q, bà L có hành vi cản trở ông T

thăm con và cung cấp Vi bằng số 7550/2018/VB-TPL-Q5 ngày 07/8/2018 của Văn phòng Thừa phát lại Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng nội dung vi bằng không thể hiện việc Thừa phát lại Trần Tuấn L chứng kiến sự kiện ông Q, bà L cản trở ông T thăm con. Ông Q, bà L luôn tạo điều kiện cho ông T thăm con. Ông Q, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/HNGĐ-ST ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương, đã tuyên xử:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 71, Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 5, khoản 6 Điều 6, Điều 15, Điều 22 của Luật Trẻ em năm 2016,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kha Ngọc Kim C đối với bị đơn ông Nguyễn Thành T về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn ông Nguyễn Thành T.

3. Về quan hệ hôn nhân: Bà Kha Ngọc Kim C được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

4. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 12/8/2014 cho ông Nguyễn Thành T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông T không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

Bà Kha Ngọc Kim C được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

5. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 30/6/2020 nguyên đơn bà Kha Ngọc Kim C có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho bà C được quyền trực tiếp nuôi con chung là bé Nguyễn Phương L. Ngày 29/7/2020, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có Quyết định kháng nghị số 15/QĐ/KNPT-P9 đối với bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm đối với phần người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị; các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ông T đồng ý giao con chung Nguyễn Phương L cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Bà C có trách nhiệm tạo điều kiện cho ông T đến thăm con chung vào ngày thứ 7 hàng tuần.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, ông T đồng ý giao con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà C, chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Q, bà L có yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà C xác định chỉ kháng cáo phần quyết định của bản án sơ thẩm về người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Phương L, các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm bà C không có kháng cáo; đại diện Viện Kiểm sát xác định chỉ kháng cáo đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm về người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Các phần khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, về tài sản chung và nợ chung, về đình chỉ yêu cầu giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Thành T về chia tài sản chung, đã hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về con chung: Bà C, ông T đều thống nhất có một người con chung là cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 12/8/2014. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C và ông T thống nhất giao con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, bà C không yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận của bà C và ông T là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi con theo quy định tại Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con và trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, Điều 300 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

- Căn cứ Điều 51, Điều 55; khoản 1 Điều 71; Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Kha Ngọc Kim C.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 15/QĐ/KNPT-P9 ngày 29/7/2020 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

1.1. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/HNGĐ-ST ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương, như sau:

Công nhận sự thỏa thuận của bà Kha Ngọc Kim C và ông Nguyễn Thành T về con chung, như sau:

Bà Kha Ngọc Kim C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 12/8/2014. Ông Nguyễn Thành T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thành T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.2. Một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/HNGĐ-ST ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương đã có hiệu lực pháp luật:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Kha Ngọc Kim C được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố chia tài sản chung của bị đơn ông Nguyễn Thành T.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Kha Ngọc Kim C phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 12.300.000 đồng (mười hai triệu ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, còn trả cho bà Kha Ngọc Kim C 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025747 ngày 26/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Trả cho ông Nguyễn Thành T 21.000.000 đồng (hai mươi một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0042099 ngày 07/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương.

3. Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Bà Kha Ngọc Kim C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0047807 ngày 07/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Trần Thị Thanh Trúc

Nguyễn Văn Tài

Nguyễn Thị Duyên Hằng

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã C;
- UBND phường Tân Định, thị xã C;
- TAND thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Duyên Hằng